

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ MINH HỌA
(Đề thi có 03 trang)

KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2017

Môn: Tiếng Trung Quốc

Thời gian làm bài: 60 phút, không kể thời gian phát đề

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong mỗi câu sau:

Câu 1: Phiên âm đúng của từ 报答 là _____.

- A. bāodá B. bàodā C. bàodá D. bāodā

Câu 2: Phiên âm đúng của từ 慈祥 là _____ í xiáng.

- A. zh B. ch C. z D. c

Câu 3: 看到她充满期_____的目光，我不忍让她扫兴。

- A. 诗 B. 侍 C. 待 D. 特

Câu 4: _____森林是我们每个人的责任。

- A. 保护 B. 保持 C. 保证 D. 保卫

Câu 5: 我充分体会到，短短的三年对生活来说_____改变许多事情。

- A. 不足 B. 值得 C. 足以 D. 不值

Câu 6: 在我的印象_____, 他是一个非常认真的学生。

- A. 内 B. 外 C. 上 D. 中

Câu 7: 阮老师工作一向很_____。

- A. 仔细 B. 详细 C. 细细 D. 细小

Câu 8: 做生意常常会遇到_____的情况，我们要灵活地处理。

- A. 忽然 B. 猛然 C. 突然 D. 果然

Câu 9: 你终于考上外贸大学了，我们_____能不来祝贺呢？

- A. 怎么样 B. 什么样 C. 怎么 D. 什么

Câu 10: 他手里拿着一_____报纸聚精会神地看着。

- A. 部 B. 面 C. 个 D. 份

Câu 11: 两年前他_____开始学习汉语的时候，一个汉字也不认识。

- A. 才 B. 刚才 C. 刚 D. 才刚

Câu 12: 你_____这件衣服的样子再做一件。

- A. 依靠 B. 按照 C. 据 D. 凭

Câu 13: 飞机_____每小时600公里的速度向首都方向飞去。

- A. 为 B. 以 C. 在 D. 有

Câu 14: 周末他喜欢骑_____自行车去公园玩。

- A. 了 B. 着 C. 过 D. 的

Câu 15: 你知道他最近那么伤心，到底是怎么回事_____?

- A. 吗 B. 吧 C. 呢 D. 嘛

Câu 16: 这个地区依山傍水，污染很少，_____空气这么好，这么新鲜。

- A. 难以 B. 以便 C. 以致 D. 难怪

Câu 17: 戴上新眼镜向四周望望，这个世界_____变得清楚起来了。

- A. 有点儿 B. 一点儿 C. 一次 D. 一下子

Câu 18: 她没有说话，只是_____，这样看来她是同意了大家的意见。

- A. 点了点头 B. 点点头了 C. 点点头头 D. 点点了头

Câu 19: 看着她此时美丽_____年轻的脸，我被一种深切的情意感动着。

- A. 跟 B. 同 C. 而 D. 和

Câu 20: 高中毕业以后，究竟_____继续读大学_____马上就业，大家应该好好考虑。

- A. 不是……就是…… B. 是……还是……
C. 不是……而是…… D. 是……不是……

Câu 21: _____修一座立交桥，_____能解决这个城市交通拥挤的问题。

- A. 尽管……也…… B. 虽说……也……
C. 除非……才…… D. 固然……可……

Câu 22: _____我怎么解释，他_____不相信。

- A. 除了……还…… B. 不管……也……
C. 如果……就…… D. 尽管……但……

Câu 23: 你从这儿往前走，_____。

- A. 十分钟走就能看见书店 B. 书店看见走十分钟就能
C. 看见书店就能走十分钟 D. 走十分钟就能看见书店

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc trong các câu sau:

Câu 24: 他是 A 一位来自英国的 B 知识丰富的 C 语法老师 D。 (朋友给我介绍的)

Câu 25: 杨教授 A 是 B 我们 C 请来 D 作报告的。 (从师范大学)

Câu 26: 约翰 A 说他打算 B 下个月到 C 越南 D。 (来)

Câu 27: A 请你通知 B 下午 C 都要 D 参加课外活动。 (大家)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích cho từ/cụm từ được gạch chéo trong các câu sau:

Câu 28: 每开新课前，他总是将新课本先看一遍，在难点和重点地方做个标记。

- A. 教科书 B. 参考书 C. 计划书 D. 外文书

Câu 29: 我打心里佩服他舍己救人的精神。

- A. 跟 B. 从 C. 在 D. 于

Câu 30: 您先忙着，回头我再来看您。

- A. 转头 B. 转身 C. 过几回 D. 过几天

Câu 31: 不就是一句话嘛，犯不着生这么大的气啊。

- A. 不得不 B. 不允许 C. 不值得 D. 不像话

Câu 32: 徐悲鸿先生是中国著名的画家，他最擅长的是画马。

- A. 拿手 B. 熟悉 C. 得意 D. 满意

Câu 33: 你这样做等于是给我们的集体加入了一个不和谐音。

- A. 不合适的人 B. 不客气的话 C. 不诚实的行为 D. 不友好的因素

Câu 34: 这是非常时期，实在没办法，您就凑合点儿用吧。

- A. 稀有 B. 特殊 C. 异常 D. 平常

Câu 35: 大学毕业后我就独立了，从那时起就不再向父母伸手了。

- A. 照顾父母 B. 支援父母 C. 跟父母要钱 D. 帮父母赚钱

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 36 đến câu 40.

“叔叔，我，我能坐吗？”一个小男孩站在椅子边上说。“这是公园的椅子，又不是我家的，你怎么不能坐呢？”我笑着对他说。“你不是在……在约会吧？”约会？五六岁的孩子怎么会说出这样的话？我把书放在椅子上，凑近他，“你懂得什么叫约会？”“就是……就是，等……等一个阿姨。”我哈哈大笑，他说对了。我的女朋友喜欢安静的地方，我找遍了北京城才找到了这个公园。“那么，就请……坐吧！”我天生喜欢孩子，便拖着长声发出邀请。他嘻嘻笑了两声，欠着屁股向椅子上蹭。“哧……”裤子上又撕了一道口子，露出了他白嫩的小屁股。这口子不是新茬，是大

针小线缝上的。真是不称职的妈妈！“来，坐在叔叔腿上吧，椅子上凉。”我把他抱上来。孩子的小屁股透出的暖气温在我的腿上。“你跑到这儿干什么？你家大人呢？”“我爸爸在那边打扑克呢。我到这儿来……”“来干什么呀？”“约……约会。”我瞪大了眼睛，“你同谁约会？”“同……同……妈妈。”我更惊讶了：“你妈妈让你来的？”“上个星期天，妈妈说，……说今天……到这儿给我……送裤子。”他用手抠破了两个口子的裤子，“爸不……不知道。他不让妈……来……看我。”“你爸爸妈妈不在一起啦？”“离……离……妈走了，把我扔下了。”他眼里流出了两滴泪。这泪滴到我抱着他的手上，凉凉的。我把他搂得更紧，用我的体温暖着这孩子。一阵凉风，飘落一片片树叶。

Câu 36: 孩子来公园是为了：

- | | | | |
|-------|-------|--------|--------|
| A. 玩耍 | B. 约会 | C. 看爸爸 | D. 等叔叔 |
|-------|-------|--------|--------|

Câu 37: 作者来公园的目的是：

- | | | | |
|--------|--------|--------|--------|
| A. 等孩子 | B. 打扑克 | C. 谈恋爱 | D. 找儿子 |
|--------|--------|--------|--------|

Câu 38: 作者和孩子过去：

- | | | | |
|--------|--------|--------|--------|
| A. 不认识 | B. 常见面 | C. 是好友 | D. 是父子 |
|--------|--------|--------|--------|

Câu 39: 读了这段文字，感到作者的心情是：

- | | | | |
|--------|--------|--------|--------|
| A. 沉重的 | B. 气愤的 | C. 兴奋的 | D. 舒畅的 |
|--------|--------|--------|--------|

Câu 40: 这件事最可能发生在：

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. 春天 | B. 夏天 | C. 秋天 | D. 冬天 |
|-------|-------|-------|-------|

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 41 đến câu 50.

有一个人不管买什么东西，从来不挑选。有人问他：“你买东西为什么从来不挑选呢？”他说：“那是新的，为什么(41)_____挑选？”因为这个原因，人们都说他太傻了。有一天，下班之后，他(42)_____鞋破了，就到附近一个鞋店去买鞋。他对售货员说：“劳驾，请给我拿一双 41 (43)_____的鞋。”售货员拿了两双鞋给他，说：“您看看要哪一双？”他刚想说，有一双就行了，不用挑选。但又一想，人家都说我买东西不挑选，太傻了。这次我要好好挑选挑选。他把两双鞋拿起来看了又看，比了又比。差不多一个小时过去了。这时候，那个售货员等(44)_____有些着急了，说：“您这样挑选，到什么时候(45)_____能选好呢？”他说：“这样吧，钱我先给你，让我(46)_____选。”他把钱给了售货员，又(47)_____比那两双鞋。又过了半个多小时，他还是决定不了哪双鞋好。最后，他(48)_____说：“管它呢，一双鞋里拿一只，这样总可以了吧。”说着，他从两双鞋里各拿了一只，把另外两只鞋还给了售货员，就回家了。回到家里，他坐在床上，拿起一只鞋，穿在左脚上，这只鞋很(49)_____。他又拿起另外一只鞋往右脚上穿，这时，他才发现两只鞋都是左脚的。他气得一下子倒在床上，心想：以后买东西(50)_____不挑选了。

Câu 41: A. 要 B. 可 C. 能 D. 会

Câu 42: A. 觉得 B. 发现 C. 知道 D. 明白

Câu 43: A. 数 B. 号 C. 号码 D. 编号

Câu 44: A. 的 B. 地 C. 得 D. 过

Câu 45: A. 就 B. 一 C. 最 D. 才

Câu 46: A. 再 B. 又 C. 还 D. 仍

Câu 47: A. 连续 B. 继续 C. 连接 D. 持续

Câu 48: A. 一定 B. 遗憾 C. 只好 D. 同意

Câu 49: A. 合适 B. 合理 C. 适合 D. 适当

Câu 50: A. 坚强 B. 坚定 C. 坚持 D. 坚决

----- HẾT -----